

MARKET INSIGHTS REPORTS

03/01/2024

NHÓM NGÂN HÀNG VÀ ĐẦU TƯ CÔNG KÉO CHỈ SỐ BREAK OUT KHÁNG CỰ 1,134



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao giảm nhưng vẫn nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng giao dịch giảm là mô hình tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index đã có Break out kháng cự trung hạn của mô hình Three Rising Valleys (3RV) từ ngày 1/11/2023 tới nay và với xu hướng tích cực thì mục tiêu giá tiếp theo là 1,245 điểm. (ii) Khối ngoại bán ròng mạnh phiên giao dịch buổi sáng và thu hẹp đà bán ròng trong phiên giao dịch buổi chiều. Chính điều này khiến tốc độ tăng giá phiên chiều ngày càng mạnh. (iii) Nhóm ngân hàng tiếp tục tỏa sáng và đóng vai trò dẫn dắt thúc đẩy chỉ số vượt qua kháng cự mạnh. Với việc room tín dụng được nới 15% và cho phép tăng trưởng luôn từ đầu năm thì chúng tôi cho rằng đây là điểm nhấn chính có thể thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024 của nhóm ngân hàng. Chúng tôi cho rằng tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành ngân hàng năm nay sẽ ở mức 2 chữ số và sẽ có nhiều doanh nghiệp có mức tăng trưởng từ 20 – 50% về lợi nhuận trong năm 2024 qua đó có thể thúc đẩy đợt tăng giá của nhóm cổ phiếu ngân hàng trong năm nay. (iv) Nhóm đầu tư công và bán lẻ cũng giao dịch tốt trong ngày với sự tăng giá chung của toàn thị trường. Chừng nào vòng quay rủi ro còn tiếp tục, xu hướng tăng điểm vẫn sẽ là hiện hữu.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 16 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 10 mã cho tín hiệu đi ngang. ACB, BID, VIB, BVH, CTG... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 51% và 25% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Kháng cự là 1,160 điểm. Hỗ trợ là 1,080 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Thống kê chu kỳ thị trường chứng khoán Mỹ năm bầu cử Tổng Thống trong tháng 1;

TTCK Mỹ: Dự báo các chỉ số tối nay sẽ điều chỉnh giảm điểm.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	572
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	395
Số cổ phiếu giảm giá	106
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	71

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	234
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	118
Số cổ phiếu giảm giá	54
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	62

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	347
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	140
Số cổ phiếu giảm giá	99
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	108

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	28,623.90	44,841.87	(16,217.97)
% KL toàn thị trường	3.98%	6.23%	
Giá trị	820,675	1,026,870	(206,195)
% GT toàn thị trường	5.58%	6.98%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	667.17	1,098.59	(431.42)
% KL toàn thị trường	3.98%	6.23%	
Giá trị	28,274	36,135	(7,862)
% GT toàn thị trường	2.49%	3.18%	

UPCOM

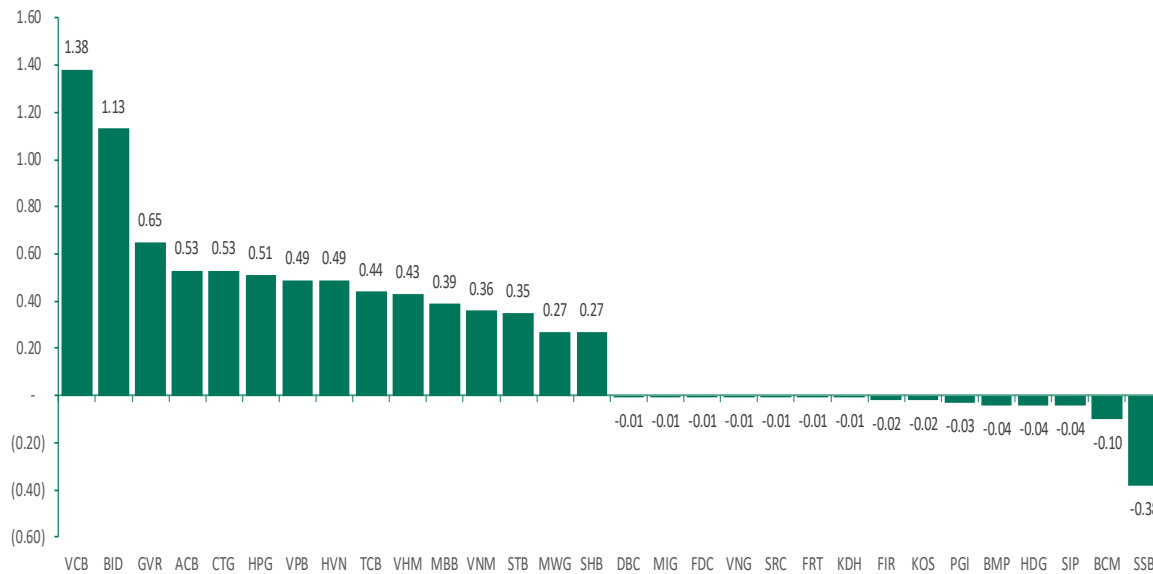
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	148.17	603.90	(455.73)
% KL toàn thị trường	0.36%	1.45%	
Giá trị	4,153	15,591	(11,438)
% GT toàn thị trường	0.74%	2.77%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

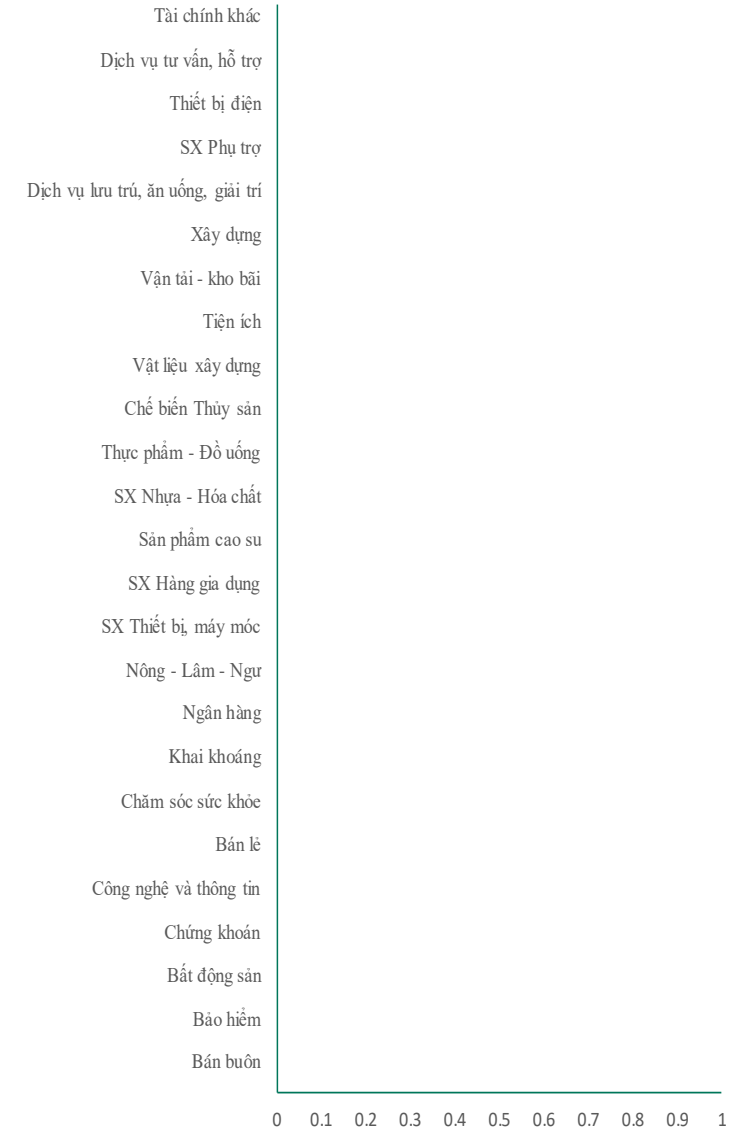
TÓP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,373,000	84,500	1,000 (1.2%)	14.52	2.97	5,821	472,278
2	BID	1,559,300	43,800	800 (1.86%)	14.02	2.10	3,125	249,679
3	VHM	6,112,600	43,400	400 (0.93%)	6.55	1.04	6,621	188,980
4	GAS	569,300	76,000	400 (0.53%)	9.94	2.79	7,649	174,552
5	VIC	2,275,100	44,150	150 (0.34%)	18.65	1.15	2,367	168,815
6	HPG	18,575,400	27,800	350 (1.28%)	19.15	1.62	1,452	161,651
7	VPB	8,220,900	19,100	250 (1.33%)	7.03	1.38	2,718	151,538
8	CTG	3,123,600	27,600	400 (1.47%)	7.91	1.21	3,491	148,212
9	VNM	1,889,800	69,000	700 (1.02%)	19.00	4.24	3,632	144,207
10	FPT	1,436,900	96,300	400 (0.42%)	21.74	4.31	4,429	122,298

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Chỉ số đã có Break out kháng cự 1,134 điểm

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 12.45 điểm (+ 1.10%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Tài chính khác, sản xuất thiết bị máy móc, bán buôn, thiết bị điện, vận tải kho bãi, nông lâm ngư, sản xuất nhựa hóa chất, chăm sóc sức khỏe, ngân hàng, vật liệu xây dựng, ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như IPA, OGC, NHH, CTB, PLX, DGW, VPG, GEX, VJC, HVN, GMD, HAH, SCS, VSC, HAG, HNG, GVR, DGC, DCM, DHG, IMP, DMC, TNH, ACB, LPB, STB, BID, VCB, HSG, HPG, NKG... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) OGC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Sau 2 tháng giao dịch thất chặt, OGC đã có Break out – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(ii) DGW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sau 2 tháng giao dịch trong khung chữ nhật với hỗ trợ là 49 và kháng cự là 54, cổ phiếu đã có Break out với khối lượng giao dịch tăng vọt – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu từ 58 - 64;
- ✓ Cả RSI(14) và giá đều thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iii) BID tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá chạm kháng cự dải băng trên và cũng là đỉnh cũ tháng 8/2023 – Đang gặp cản;
- ✓ Giá đang vào vùng giá mục tiêu sóng 5 là 46 – 51;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 52%;

(iv) VPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng - Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá có Break out khỏi khu vực đi ngang 2 tháng qua kèm theo sự gia tăng của khối lượng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ đà tăng giá cho cổ phiếu;

- ✓ Việc hợp tác với Aeon mở Trung Tâm Thương Mại tại Quảng Ninh và Triển khai dự án KCN tại Hải Phòng là thông tin hỗ trợ đà tăng giá cho cổ phiếu;
- ✓ Giá trong sóng 5 với mục tiêu là 20;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 65%;

(v) STB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đã có Break out mô hình Falling Wedge – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(vi) HVN tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 giảm giá với hỗ trợ mạnh quanh 17;
- ✓ Thông tin dự thảo sửa đổi thông tư 120 tạo điều kiện cho phép HVN ở lại sàn là thông tin tích cực hỗ trợ đà tăng của cổ phiếu;
- ✓ Dự báo triển vọng du lịch Quốc Tế tới Việt Nam sẽ hồi phục về năm 2019 cũng là tín hiệu tích cực hỗ trợ cho đà tăng giá của HVN;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(2) Sản phẩm cao su, sản phẩm phụ trợ ... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như DRC, CSM, SRC, ACG, TLG, PTB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DRC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều ngắn hạn ở đỉnh;
- ✓ Cổ phiếu đang vùng chốt lời;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(ii) PTB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Vận động đi ngang từ tháng 11 tới nay với hỗ trợ là 56 và kháng cự 60;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng giao giảm nhưng vẫn nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng giao dịch giảm là mô hình tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index đã có Break out kháng cự trung hạn của mô hình Three Rising Valleys (3RV) từ ngày 1/11/2023 tới nay và với xu hướng tích cực thì mục tiêu giá tiếp theo là 1,245 điểm. (ii) Khối ngoại bán ròng mạnh phiên giao dịch buổi sáng và thu hẹp đà bán ròng trong phiên giao dịch buổi chiều. Chính điều này khiến tốc độ tăng giá phiên chiều ngày càng mạnh. (iii) Nhóm ngân hàng tiếp tục tỏa sáng và đóng vai trò dẫn dắt thúc đẩy chỉ số vượt qua kháng cự mạnh. Với việc room tín dụng được nới 15% và cho phép tăng trưởng luôn từ đầu năm thì chúng tôi cho rằng đây là điểm nhấn chính có thể thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024 của nhóm ngân hàng. Chúng tôi cho rằng tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành ngân hàng năm nay sẽ ở mức 2 chữ số và sẽ có nhiều doanh nghiệp có mức tăng trưởng từ 20 – 50% về lợi nhuận trong năm 2024 qua đó có thể thúc đẩy đợt tăng giá của nhóm cổ phiếu ngân hàng trong năm nay. (iv) Nhóm đầu tư công và bán lẻ cũng giao dịch tốt trong ngày với sự tăng giá chung của toàn thị trường. Chừng nào vòng quay rủi ro còn tiếp tục, xu hướng tăng điểm vẫn sẽ là hiện hữu.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 16 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 10 mã cho tín hiệu đi ngang. ACB, BID, VIB, BVH, CTG...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 51% và 25% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Kháng cự là 1,160 điểm. Hỗ trợ là 1,080 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index – Mô hình 3RV sẽ sớm xác nhận với Break out ?



Biểu đồ cổ phiếu DGW



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	491.45	489.47	493.43	NO	499.37	503.33	511.25	515.21	487.49	479.57	475.61	467.69
HNXINDEX	230.71	230.24	231.17	NO	232.57	233.51	235.37	236.31	229.77	227.91	226.97	225.11
UPINDEX	87.66	87.59	87.73	YES	88.06	88.32	88.72	88.98	87.4	87	86.74	86.34
VN30	1138.8	1135.7	1141.8	NO	1150.9	1157	1169.2	1175.3	1132.7	1120.5	1114.4	1102.2
VNINDEX	1138.9	1136.2	1141.5	NO	1149.5	1154.7	1165.3	1170.6	1133.6	1123	1117.8	1107.2
VNXALL	1858	1853.6	1862.4	NO	1875.7	1884.5	1902.2	1911.1	1849.1	1831.4	1822.6	1804.9
VN30F1M	1139.5	1135.1	1143.9	NO	1152.5	1156.8	1169.8	1174.1	1135.2	1122.2	1117.9	1104.9
VN30F1Q	1136.4	1131.1	1141.8	NO	1149.8	1152.3	1165.7	1168.2	1133.9	1120.5	1118	1104.6
VN30F2M	1137.6	1134.4	1140.9	NO	1147.5	1150.9	1160.8	1164.2	1134.2	1124.3	1120.9	1111
VN30F2Q	1139.1	1136.1	1142.2	NO	1151.3	1157.3	1169.5	1175.5	1133.1	1120.9	1114.9	1102.7
BCM	61.27	61.15	61.38	NO	61.93	62.37	63.03	63.47	60.83	60.17	59.73	59.07
ACB	24.75	24.63	24.88	NO	25.25	25.5	26	26.25	24.5	24	23.75	23.25
BID	43.63	43.55	43.72	NO	44.27	44.73	45.37	45.83	43.17	42.53	42.07	41.43
BVH	39.7	39.65	39.75	NO	39.9	40	40.2	40.3	39.6	39.4	39.3	39.1
CTG	27.42	27.33	27.51	NO	27.78	27.97	28.33	28.52	27.23	26.87	26.68	26.32
FPT	96.07	95.95	96.18	NO	96.73	97.17	97.83	98.27	95.63	94.97	94.53	93.87
GVR	21.43	21.35	21.52	NO	22.07	22.53	23.17	23.63	20.97	20.33	19.87	19.23
GAS	75.8	75.7	75.9	NO	76.2	76.4	76.8	77	75.6	75.2	75	74.6
HDB	19.93	19.9	19.97	NO	20.07	20.13	20.27	20.33	19.87	19.73	19.67	19.53
HPG	27.67	27.6	27.73	NO	27.93	28.07	28.33	28.47	27.53	27.27	27.13	26.87
MBB	19.02	18.95	19.08	NO	19.33	19.52	19.83	20.02	18.83	18.52	18.33	18.02
MSN	68.5	68.3	68.7	NO	69.3	69.7	70.5	70.9	68.1	67.3	66.9	66.1
MWG	42.88	42.72	43.04	NO	43.77	44.33	45.22	45.78	42.32	41.43	40.87	39.98
POW	11.33	11.3	11.37	NO	11.47	11.53	11.67	11.73	11.27	11.13	11.07	10.93
PLX	34.73	34.65	34.82	NO	35.07	35.23	35.57	35.73	34.57	34.23	34.07	33.73
SAB	63.47	63.45	63.48	YES	63.73	63.97	64.23	64.47	63.23	62.97	62.73	62.47
SSB	23.52	23.63	23.41	NO	23.73	24.17	24.38	24.82	23.08	22.87	22.43	22.22
SHB	11.15	11.1	11.2	NO	11.35	11.45	11.65	11.75	11.05	10.85	10.75	10.55
SSI	32.73	32.63	32.84	NO	33.17	33.38	33.82	34.03	32.52	32.08	31.87	31.43
TCB	32.35	32.22	32.47	NO	32.85	33.1	33.6	33.85	32.1	31.6	31.35	30.85
TPB	17.33	17.28	17.39	NO	17.57	17.68	17.92	18.03	17.22	16.98	16.87	16.63
STB	28.2	28.05	28.35	NO	28.8	29.1	29.7	30	27.9	27.3	27	26.4
VHM	43.12	42.97	43.26	NO	43.68	43.97	44.53	44.82	42.83	42.27	41.98	41.42
VIB	19.97	19.9	20.03	NO	20.23	20.37	20.63	20.77	19.83	19.57	19.43	19.17
VCB	83.93	83.65	84.22	NO	85.07	85.63	86.77	87.33	83.37	82.23	81.67	80.53
VIC	43.93	43.83	44.04	NO	44.37	44.58	45.02	45.23	43.72	43.28	43.07	42.63
VIC	106.93	106.55	107.32	NO	108.47	109.23	110.77	111.53	106.17	104.63	103.87	102.33
VPB	18.95	18.88	19.02	NO	19.25	19.4	19.7	19.85	18.8	18.5	18.35	18.05
VRE	23.15	23.1	23.2	NO	23.4	23.55	23.8	23.95	23	22.75	22.6	22.35
VNM	68.67	68.5	68.83	NO	69.33	69.67	70.33	70.67	68.33	67.67	67.33	66.67

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	Avg Volume 10 Days	Change %	Daily Returns %
SHB	30,250,300	11,809,700	256	2.74
HQC	21,527,700	9,820,900	219	6.97
HHV	18,826,000	5,894,800	319	3.85
VCG	12,245,600	5,085,190	241	2.87
EVF	11,529,600	5,380,680	214.28	3.42
CII	10,157,600	4,988,540	204	1.74
LCG	8,311,800	2,871,840	289	3.36
HUT	8,061,100	3,716,620	216.89	1
TPB	7,154,500	3,357,020	213	0.87
TTF	5,877,500	1,982,660	296	2.42
DGW	5,612,500	1,010,720	555.3	6.88
TCB	5,610,600	2,798,360	201	1.56
KSB	5,607,000	916,580	612	6.98
BCR	5,294,900	1,324,350	400	-6.67
GVR	4,320,100	2,152,380	201	3.1
FIT	3,574,600	1,097,570	325.68	3.7
FCN	3,385,100	1,188,540	285	2.78
SZC	3,367,800	1,565,190	215	-0.58
DRH	3,109,500	946,280	329	4.61
ST8	3,105,000	434,560	715	6.91
HVN	2,927,600	817,290	358.21	6.94
C4G	2,585,800	692,940	373	3.39
TSC	2,479,000	756,460	328	2.05
HAR	2,389,700	637,830	375	6.6
VGI	2,373,100	382,870	620	5.81
VPG	2,343,900	865,100	270.94	7
OCB	2,266,400	1,040,520	218	2.97
ABS	1,952,100	713,740	274	4.04
ADS	1,494,000	244,580	611	5.73
OGC	1,100,600	319,620	344	6.97
KVC	972,400	121,940	797	-4.55
KPF	911,900	369,610	247	4.66
DAH	896,800	142,310	630	2.29
DLI	870,900	347,900	250	2.38
GIL	853,700	293,870	291	4.22
SMC	838,600	168,050	499	4.39
BCC	815,500	114,600	712	6.52
VHE	568,500	157,960	360	-3.23
QBS	559,100	274,340	204	2.15
HT1	548,400	154,660	355	3.33

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: SHB, HQC... bùng nổ khối lượng giao dịch

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
3-Jan	VIB	Mua	≤ 21	10% -20%	Hoàn tất mô hình 3 đáy
3-Jan	STB	Mua	≤ 29.5	10% -20%	Break out mô hình Falling Wedge
3-Jan	VPG	Mua	≤ 19	10% -20%	Break out nền giá/ Chú ý cổ phiếu có tính đầu cơ cao/Nền chờ mô hình PullBack để mua
3-Jan	DGW	Mua	≤ 55	10% -20%	Mô hình 3RV Break out/Nền chờ mô hình PullBack để mua

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng MỞ MUA 04 CỔ PHIẾU;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,080 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,134 điểm;
- Mục tiêu tiếp theo của mô hình 3RV là vùng giá 1,245 điểm (Mục tiêu tối thiểu);
- Giá cổ thể PullBack lại kháng cự vừa phá vỡ và vùng giá 1,134 điểm sẽ là hỗ trợ ngắn hạn;
- Nhóm chứng khoán, bất động sản và ngành điện đang có mẫu hình giao dịch tiêu cực;
- Nhóm ngân hàng, bán lẻ đang cho thấy mẫu hình giao dịch tích cực;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 02/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.848 VND/USD, giảm 18 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 24.990 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.325 VND/USD, tăng 75 đồng so với phiên 29/12/2023. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 100 đồng ở chiều mua vào và 70 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.620 VND/USD và 24.700 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 02/01, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,12 – 2,65 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,95%; 1W 1,25%; 2W 1,68% và 1M 2,44%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,02 – 0,04 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,04%; 1W 5,15%; 2W 5,25%, 1M 5,35%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 3Y và 7Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,56%; 5Y 1,54%; 7Y 1,93%; 10Y 2,27%; 15Y 2,46%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 4.551,36 tỷ đồng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Thống kê chu kỳ thị trường chứng khoán Mỹ năm bầu cử Tổng Thống trong tháng 1

Election Year Only January Trifecta				
Three early-year signals: The Santa Claus Rally, the January's First Five Days and the January Barometer				
Year	Santa Claus Rally	January's First Five Days	January Barometer	Year % Change
1951/1952	1.57%	0.21%	1.56%	11.78%
1955/1956	-0.90%	-2.14%	-3.65%	2.62%
1959/1960	2.40%	-0.65%	-7.15%	-2.97%
1963/1964	2.27%	1.30%	2.69%	12.97%
1967/1968	0.31%	0.16%	-4.39%	7.66%
1971/1972	1.34%	1.35%	1.81%	15.63%
1975/1976	4.28%	4.78%	11.83%	19.15%
1979/1980	-2.21%	0.98%	5.76%	25.77%
1983/1984	2.15%	2.40%	-0.92%	1.40%
1987/1988	2.25%	-1.19%	4.04%	12.40%
1991/1992	5.56%	0.24%	-1.99%	4.46%
1995/1996	1.76%	0.42%	3.26%	20.26%
1999/2000	-4.04%	-1.79%	-5.09%	-10.14%
2003/2004	2.38%	1.79%	1.73%	8.99%
2007/2008	-2.52%	-5.41%	-6.12%	-38.49%
2011/2012	1.87%	1.83%	4.36%	13.41%
2015/2016	-2.31%	-6.09%	-5.07%	9.54%
2019/2020	0.35%	0.70%	-0.16%	16.26%
2023/2024	?	?	?	?
Median	1.7%	0.3%	0.7%	10.7%
% Positive	72.2%	66.7%	50.0%	83.3%
Average Gain	2.2%	1.3%	4.1%	12.2%
Average Loss	-2.4%	-2.9%	-3.8%	-17.2%
Max	5.6%	4.8%	11.8%	25.8%
Min	-4.0%	-6.1%	-7.1%	-38.5%

Source: Optuma (S&P 500 ISPO 1950 - Current: 38 event observations in 38). Past performance is no guarantee of future results.

2 January 2024

S&P 500 Composite in Election Years, and Election Years When >10% Gains in Previous Year Since 1950



Source: Fundstrat, Bloomberg

Global Macro Risk Monitor
Equity Indices & Misc Other Risk Indicators

12/31/2023

Stock Index Levels	29-Dec	% Change			% Change			
	Level	Week	Month	YTD	Nov	Oct	Sep	1st-Half
S&P500	4,769.83	0.32%	4.42%	24.23%	8.92%	-2.20%	-4.87%	15.91%
Canada TSX	20,958.44	0.37%	3.57%	8.12%	7.22%	-3.42%	-3.70%	3.97%
Mexico Bolsa	57,386.25	0.13%	6.15%	18.41%	10.19%	-3.56%	-4.05%	10.45%
Brazil BOVESPA	134,185.23	1.08%	5.38%	22.28%	12.54%	-2.94%	0.71%	7.61%
Argentina MERVAL *	929,704.19	-1.98%	14.30%	366.34%	39.77%	3.44%	-16.76%	113.82%
UK FTSE	7,733.24	0.46%	3.75%	3.78%	1.80%	-3.76%	2.27%	1.07%
Germany DAX	16,751.64	0.27%	3.31%	20.31%	9.49%	-3.75%	-3.51%	15.98%
France CAC	7,543.18	-0.34%	3.18%	16.52%	6.17%	-3.50%	-2.48%	14.31%
Italy FTSE MIB	30,351.62	-0.01%	2.07%	28.03%	7.19%	-1.78%	-2.04%	25.44%
Spain IBEX	10,102.10	-0.10%	0.44%	22.76%	11.54%	-4.36%	-0.82%	16.57%
Russia RTS	1,083.48	2.45%	-2.83%	11.63%	3.25%	7.18%	-4.87%	1.27%
Istanbul National 100 Index *	7,470.18	-1.16%	-6.02%	35.60%	5.78%	-9.85%	5.27%	4.54%
Japan NIKKEI	33,464.17	0.89%	-0.07%	28.24%	8.52%	-3.14%	-2.34%	27.19%
Korea KOSPI	2,655.28	2.15%	4.73%	18.73%	11.30%	-7.59%	-3.57%	14.66%
China Shanghai (SSE Comp)	2,974.93	2.06%	-1.81%	-3.70%	0.36%	-2.95%	-0.30%	3.65%
Hong Kong Hang Seng	17,047.39	4.33%	0.03%	-13.82%	-0.41%	-3.91%	-3.11%	-4.37%
Taiwan TWII	17,930.81	1.90%	2.85%	26.83%	8.95%	-2.16%	-1.69%	19.65%
India SENSEX	72,240.26	1.59%	7.84%	18.74%	4.87%	-2.97%	1.54%	6.37%
Australia All Ords	7,829.50	1.28%	7.29%	8.42%	4.74%	-3.89%	-3.57%	2.49%
Jakarta Composite	7,272.80	0.49%	2.71%	6.16%	4.87%	-2.70%	-0.19%	-2.76%
Maylasia	1,454.66	0.02%	0.13%	-2.73%	0.74%	1.26%	-1.91%	-7.94%
Philippines PSE	6,450.04	5.28%	3.64%	-1.77%			-2.68%	-1.50%
Vietnam VN	1,129.93	2.44%	3.27%	12.21%	6.41%	-10.91%	-5.71%	11.24%
Other Risk Indicators :	Level	Week	Month	YTD	Nov	Oct	Sep	1st-Half
Dow Industrials	37,689.54	0.81%	4.84%	13.70%	8.77%	-1.36%	-3.50%	3.80%
Nasdaq Comp	15,011.35	0.12%	5.52%	43.42%	10.70%	-2.78%	-5.81%	31.73%
Russell 2000	2,027.07	-0.34%	12.05%	15.09%	8.83%	-6.88%	-6.03%	7.24%
NYSE Composite	16,852.89	0.49%	4.75%	10.99%	7.84%	-3.11%	-3.76%	4.55%
Dow Transports	15,898.80	-1.03%	5.86%	18.72%	8.08%	-7.17%	-4.81%	15.96%
TLT - Treasury Bond ETF	98.88	0.41%	7.99%	-0.68%	9.55%	-5.76%	-8.23%	3.39%
LQD - Investment Grade Corp Bond ETF	110.66	0.51%	4.11%	4.96%	7.18%	-2.79%	-3.90%	2.57%
JNK - High Yield Bond ETF	94.73	-0.08%	2.21%	5.26%	4.23%	-1.64%	-2.23%	2.26%
MUB - Muni Bond ETF	108.41	0.11%	1.77%	2.74%	5.44%	-1.48%	-2.77%	1.15%
EMB - iShares JPMo Emerging Mkt Bond ETF	89.06	0.02%	3.71%	5.28%	5.76%	-1.61%	-3.73%	2.31%
EMLC - JPM Local Currency EM ETF	25.35	-0.63%	1.85%	4.62%	5.02%	-0.71%	-5.01%	5.49%
EMCB - WT Emerging Mkt Corp Bond ETF	63.90	0.24%	1.82%	3.25%	3.67%	-1.67%	-1.19%	0.78%
EEM - iShares Emerging Mkt ETF	40.21	2.11%	1.64%	6.09%	7.79%	-3.29%	-3.11%	4.38%
XHB - Homebuilders ETF	95.66	0.06%	15.32%	58.59%	15.82%	-6.46%	-7.82%	33.12%
IYR - Real Estate ETF	91.41	0.69%	8.06%	8.58%	12.29%	-3.60%	-8.44%	2.79%
SMH - Semis ETF	174.87	0.92%	8.97%	72.34%	15.49%	-4.16%	-7.19%	50.04%
IBB - Biotech ETF	135.85	1.55%	12.34%	3.47%	6.38%	-7.04%	-4.99%	-3.30%
RTH - Retail ETF	188.23	0.30%	5.24%	18.78%	6.53%	0.01%	-4.72%	10.22%
Europe 600 Banks Index (EUR)	16.66	0.36%	3.61%	20.38%	7.49%	-6.15%	2.57%	14.31%
S&P Sector ETFs								
XLF - Financials ETF	37.60	0.70%	4.74%	9.94%	10.94%	-2.44%	-3.52%	-0.0143
XLE - Energy ETF	83.84	-1.34%	-0.87%	-4.15%	-0.72%	-5.75%	1.65%	-0.072
XLU - Utilities	63.33	1.13%	0.91%	-10.17%	5.14%	1.29%	-6.40%	-0.0718
XLI - Industrials	113.99	0.76%	6.48%	16.07%	8.83%	-2.98%	-6.33%	0.09276
XLK - Tech	192.48	0.22%	3.95%	54.68%	12.90%	0.05%	-6.68%	0.39714
XLV - Health Care	136.38	1.01%	3.86%	0.39%	5.44%	-3.26%	-3.36%	-0.023
XLY - Discretionary	178.81	-0.37%	5.94%	38.44%	10.97%	-5.52%	-5.70%	0.31473
XLP - Staples	72.03	1.14%	1.94%	-3.38%	4.13%	-1.38%	-5.43%	-0.0051
XLB - Materials	85.54	-0.07%	3.80%	10.12%	8.35%	-3.17%	-5.24%	0.06681
Market Breath								
SPY (S&P 500 ETF)	475.31	0.35%	4.14%	24.76%	9.13%	-2.17%	-5.08%	0.16353
RSP (S&P500 Equal Weight ETF)	157.80	0.50%	6.41%	12.28%	9.18%	-0.04136	-0.0549	6.48%

Nasdaq xác nhận xu hướng đi xuống ngắn hạn



AMD sẽ điều chỉnh về vùng giá 125 – 130\$

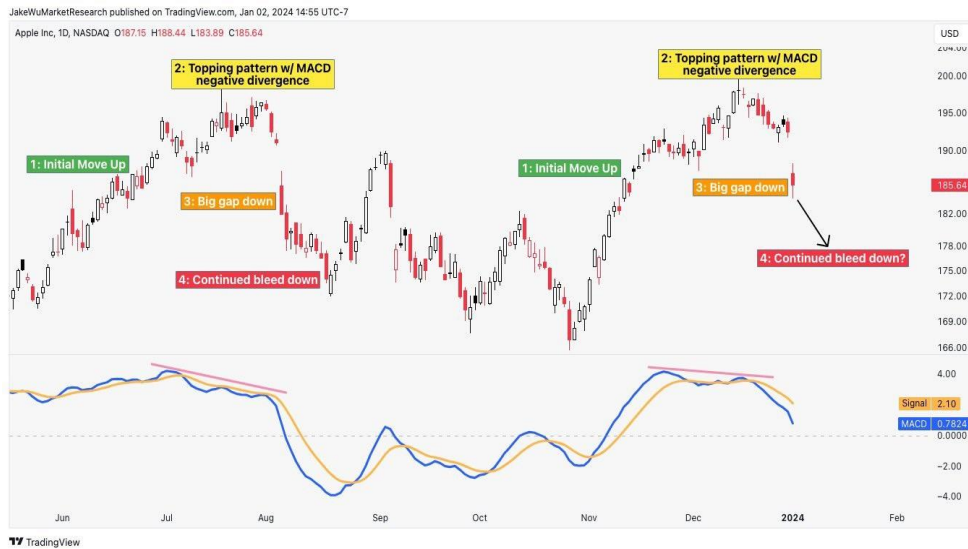


TTCK MỸ: Xu hướng vận động trong tháng 1 sẽ là tiêu cực ?

Russell 2000 xuất hiện điểm mua vàng – Tích cực là MA(200) lần này hướng lên



AAPL xuất hiện mẫu hình điều chỉnh giảm



Kết luận: Dự báo các chỉ số tối nay sẽ điều chỉnh giảm thêm.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769